

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		JS2+P10+P8	7:25	12+10+0	0+0+0		11+0+11	0+0+0	
2		PVD6-CTK3+P9+JS2	9:25	2+6+13	0+0+0		3+0+16	0+0+0	SUCO PVD6

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/11/2018	TO: JS2 - P10 - P8	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Vận - MTHAO - Toan	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HÔNG SƠN	JS2	80	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
2	LE DINH DAN	JS2	71	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
3	LE MANH HUNG	JS2	73	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
4	LE NHO CANG	JS2	79	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
5	VU DINH HUNG	JS2	72	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
6	VU VAN HA	JS2	81	1	8		92	KHOAN	Vietnamese
7	CHONLAPARK BUDDHAIRAWAN	JS2	82-83	2	15		71	KHOAN	Thailand
8	VO TA MAU	JS2	76	1	11		69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG HA	JS2	78	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DUC	JS2	77	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN TAN KHANG	JS2	74	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	LE QUOC TRUNG	JS2	75	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
13	VU TUAN ANH	P10	74	1	7	20	75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN ANH KIET	P10	78-79	2	20	16	64	XAYLAP	Vietnamese
15	DO NGOC TAM	P10	65	1	10		90	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN VAN CHIEN	P10	68	1	20		76	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN BANG	P10	76	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
18	QUACH XUAN THUONG	P10	66-67	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN THANG	P10	77	1	16		50	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN MANH HA	P10	69-70	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
21	LE VAN THANG	P10	71-72	2	16		66	XAYLAP	Vietnamese
22	DOAN NGOC DINH	P10	73	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	12	13	88	855	0	11		
2	P10	10	14	142	694	36	0		
3	P8	0	0	0	0	16	11		
TOTAL		22	27	230	1.549	52	22		
WEIGHT KG				230	1.549	52			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/11/2018	TO: PVD6 - CTK3 - P9 - JS2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Vận - MTHAO - Toan	ETA: 11:30
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EMELIYANOV	PVD6	02	1	5		102	KHOAN	Russian
2	BUI TRONG TOAN	PVD6	03-05	3	15		60	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN TRUONG	CTK3	91	1	5	30	60	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN HONG NHAN	CTK3	89-90	2	15		70	SBAY	Vietnamese
5	NGUYEN HUU DINH	P9	19	1	10		70	PVC-PT	Vietnamese
6	NGUYEN VAN THANG	P9	47	1	5		50	PVC-PT	Vietnamese
7	PHAN QUYET THANG	P9	20	1	5		70	PVC-PT	Vietnamese
8	TRAN VAN SAU	P9	17	1	5		55	PVC-PT	Vietnamese
9	DO VAN TOAN	P9	18	1	12		75	PVC-PT	Vietnamese
10	BUI QUOC GIA	JS2	30	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC DOAN	JS2	26	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THAI HOP	JS2	38	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM MINH NGOC	JS2	35-36	2	7		64	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MANH HUNG	JS2	28	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	TA NGOC HA	JS2	25	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	DANG VAN THUC	JS2	33	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	DANG THE THANH	JS2	29	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG QUOC VIET	JS2	37	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
19	BUI ANH DUC	JS2	31	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
20	BUI CAO HUY	JS2	34	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN XUAN THI	JS2	27	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
22	SEREBROV	JS2	32	1	10		80	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

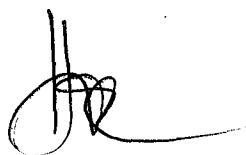
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	2	4	20	162	0	1		1 NB NGUYEN TRI TIN THAY CA CTK3
2	CTK3	2	3	20	130	30	3		
3	P9	5	5	37	320	0	0		
4	JS2	13	14	76	852	0	17		
TOTAL		22	26	153	1.464	30	21		
WEIGHT KG				153	1.464	30			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+BK4+P5	7:25	17+0+5	0+0+0		8+9+1	0+0+0	
2		TD1+TD5+P6	7:25	20+2+0	0+0+0		18+0+3	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ TD1-TD5
3		VSP01+CTK3	7:25	18+3	0+0		0+22	0+0	CHUYỂN 17 PAX TỪ VSP01- CTK3
4		RC5+CLO+TD1	9:25	4+11+7	0+0+0		0+12+5	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ CLO-TD1
5		RC3+RP2	9:25	2+20	0+0		0+13	0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ RC3-RP2
6		P10	17:30	0	0		0	0	BAY HUẤN LUYỆN

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
MSP 10 BAY HUẤN LUYỆN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2018	TO: CLO - BK4 - P5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HƯNG - Khang - Trường	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SAFONOV BORIS	CLO	07	1	10	30	83	KHOAN	Russian
2	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	17	1	5	52	81	KHOAN	Vietnamese
3	ĐO NGỌC HOÀN	CLO	11	1	7		88	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY QUANG	CLO	24-25	2	14		91	YTE	Vietnamese
5	ĐO VĂN QUANG	CLO	15	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ HỮU HẬU	CLO	16	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	04	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THANH	CLO	14	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
9	LƯƠNG NGỌC KHUÔNG	CLO	12	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN PHU VINH	CLO	05	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SÁU	CLO	03	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM MINH HOANG	CLO	09	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN ĐỊNH	CLO	06	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN THANH TÂM	CLO	10	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
15	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	13	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN BÌNH	CLO	08	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN CANH SƠN	P5	85	1	8	25	75	PVC-PT	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P5	83	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TỰ	P5	50	1	11		65	PVC-PT	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC HỘI	P5	87	1	6		65	PVC-PT	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TỰ	P5	86	1	10		65	PVC-PT	Vietnamese
22	VŨ VĂN TOÀN	P5	84	1	8		67	PVC-PT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	16	17	101	1.183	82	8		
2	BK4	0	0	0	0	30	9		
3	P5	6	6	48	402	25	1		
TOTAL		22	23	149	1.585	137	18		
WEIGHT KG				149	1.585	137			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2018	TO: TD1 - TD5 - P6	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - thông	ETA: 09:15
VANG-1			

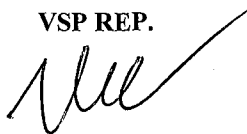
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ THANH TÙNG	TD1	17	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG TUAN ANH*TT	TD1	12	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM ĐÔI	TD1	11	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN ĐIỀN	TD1	10	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC DỪNG	TD1					66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THANH	TD1	14	1	11		74	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN KIEN	TD1	16	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	13	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO MINH DUNG	TD1	15	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN KHÁNH	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	21	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ XUÂN THƯỜNG	TD1	09	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
13	LE HUU HUNG	TD1	22	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH TÙNG	TD1	27	1	8		77	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HÙNG	TD1	23-24	2	13		50	D-HANH	Vietnamese
16	PHẠM ĐÌNH QUYÊN	TD1	25	1	2		72	D-HANH	Vietnamese
17	LE MẠNH HUNG	TD1	28	1	4		72	ANTOAN	Vietnamese
18	PHAN THANH TÀI	TD1	18	1	8	50	53	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN HUU TUYẾN	TD1	20	1	8		60	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LINH	TD1	19	1	10		66	DVL	Vietnamese
21	TRƯƠNG ĐÌNH VINH	TD5	05	1	10		78	DVL	Vietnamese
22	LE VAN BAO	TD5	04	1	11		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

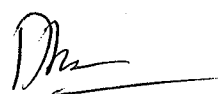
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	20	19	114	1.368	50	18+	2	CHUYEN 2 PAX TD1 SANG TD5
2	TD5	2	2	21	138	0	0		
3	P6	0	0	0	0	18	3		
TOTAL		22	21	135	1.506	68	21		
WEIGHT KG				135	1.506	68			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2018	TO: VSP01(+1h) - CTK3(+2h)	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:25
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Văn - CHIẾN - N.Nam -	ETA: 12:30
xanh,vip		Chuyên	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	VSP01	70	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
2	TRẦN THỊ THU HÀ	VSP01	66	1	5		52	D-HANH	Vietnamese
3	ĐOÀN THỊNH LƯƠNG	VSP01					59	D-HANH	Vietnamese
4	BESAGA IURII	VSP01					82	D-HANH	Russian
5	GERTCYK NIKOLAI	VSP01					84	D-HANH	Russian
6	GLEBOV SERGEI	VSP01					80	D-HANH	Russian
7	DENGIN ANTON	VSP01					80	D-HANH	Russian
8	DUDKIN KONSTANTIN	VSP01					82	D-HANH	Russian
9	DYMSKII VITALII	VSP01					100	D-HANH	Russian
10	KUZNETSOV MIKHAIL	VSP01					85	D-HANH	Russian
11	MALIKOV ALEXANDER	VSP01					80	D-HANH	Russian
12	NAIMARK MIKHAIL	VSP01					70	D-HANH	Russian
13	RESHITNYAK ROMAN	VSP01					80	D-HANH	Russian
14	NGUYỄN TÚ MAI	VSP01					60	D-HANH	Vietnamese
15	ORLOV I.V.	VSP01	68	1	5		86	D-HANH	Russian
16	POPOV A.A.	VSP01	69	1	5		65	D-HANH	Russian
17	NGUYỄN HOANG LONG	VSP01	67	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG VĂN CUÔNG	CTK3	99,200	2	12	60	70	LILAMA18	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TUẤN	CTK3	69	1	8		65	LILAMA18	Vietnamese

FLIGHT PLAN

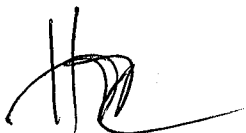
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	17	5	27	1.277	0	0	16	CHUYEN 16 PAX VSP01 SANGCTK3
2	CTK3	2	3	20	135	60	22		
TOTAL		19	8	47	1.412	60	22		
WEIGHT KG				47	1.412	60			

GRAND TOAL: 1.519 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/11/2018	TO: RC5 - CLO - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - thông	ETA: 11:20
cam-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IUKHIMCHUCK	RC5	12	1	9		82	KH-THAC	Russian
2	LAI ANH TUAN	RC5	15	1	15	40	80	KH-THAC	Vietnamese
3	VU ĐỨC SANG	RC5	14	1	16		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU NAM	RC5	13	1	5		47	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN ĐANG KHOA	CLO	39	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TRUONG SON	CLO	45-46	2	13		65	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN THE NHU	CLO	37	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN HUNG	CLO	47	1	7		75	NHA THAU	Vietnamese
9	LE HAI HOA	CLO	48	1	6		80	NHA THAU	Vietnamese
10	TRAN HUYNH LAM	CLO	42	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
11	BUI TRAN NAM	CLO	43-44	2	17		68	KHOAN	Vietnamese
12	MAKAROV	CLO	38	1	9		90	ANTOAN	Russian
13	NGUYEN VAN TUAN	CLO	40	1	3		76	PSV	Vietnamese
14	PHAN MINH TUAN	CLO	41	1	3		72	PSV	Vietnamese
15	LUONG NGOC HOANG	TD1	32	1	7		75	DVL	Vietnamese
16	DUONG TRUNG KIEN	TD1	33	1	9		62	DVL	Vietnamese
17	CU NGOC HONG	TD1	36	1	9		80	DVL	Vietnamese
18	LUU BA XO	TD1	37	1	10		74	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC BAO	TD1	35	1	15		80	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG	TD1	34	1	9		65	DVL	Vietnamese
21	TRUONG ĐANG PHUONG	TD1					90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	4	4	45	279	40	0		CHUYEN 1 PAX CLO SANG TD1
2	CLO	10	12	75	741	0	12	1	
3	TD1	7	6	59	526	0	5		
TOTAL		21	22	179	1.546	40	17		
WEIGHT KG				179	1.546	40			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/11/2018	TO: RC3 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HƯNG - Khang - TRƯỜNG	ETA: 11:25
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG HUU THUAN	RC3	20	1	5	106	74	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN HUY HOANG	RC3	21	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
3	BUI DINH PHI	RP2	74-75	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
4	VO NGUYEN MINH PHUOC	RP2	67-68	2	20		76	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN QUY HAI	RP2	79-80	2	20		95	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN BA DONG	RP2	83	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN HAI LINH	RP2	65	1	7		76	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN CAO TRI	RP2	84-85	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
9	LE DINH HOAN	RP2	76	1	9		68	XAYLAP	Vietnamese
10	HA MANH HUNG	RP2	77-78	2	10		55	XAYLAP	Vietnamese
11	DO TIEN MANH	RP2	57	1	10	15	75	XAYLAP	Vietnamese
12	VO VAN SON	RP2	62	1	15		52	XAYLAP	Vietnamese
13	LE TRI HAI	RP2	69-70	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN VAN TRUONG	RP2	63-64	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
15	TRUONG VAN NGHIA	RP2	66	1	14		69	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN QUOC VAN	RP2	71-72	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN THUY	RP2	81-82	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG DINH	RP2	59	1	10		59	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN VAN TOAN	RP2	73	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN HAM CHUNG	RP2	60-61	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	2	2	16	144	106	0	2	CHUYEN 2 PAX RC3 SANG RP2
2	RP2	18	28	262	1.232	15	13		
TOTAL		20	30	278	1.376	121	13		
WEIGHT KG				278	1.376	121			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK8+P1+TD2	7:25	1+0+20	0+0+0		0+2+19	0+0+0	
2		BK3+P9+PPD	7:25	1+2+13	0+0+0		1+1+20	0+0+0	CHUYEN 6 PAX BK3-P9
3		RP3+PVD6+P7	9:25	19+0+3	0+0+0		18+0+4	0+0+0	CHUYEN 1 PAX PVD6-P7
4		BK16+P4+PVD2	9:25	4+17+1	0+0+0		0+15+6	0+0+0	
5		P4+P11+PPD	11:25	15+7+0	0+0+0		9+0+10	0+0+0	
6		RCDM+RP2+PPD	11:25	2+3+17	0+0+0		0+0+19	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/2 NGUOI CB ĐI TD3 QUA PPD.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2018	TO: BK8 - P1 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - HIẾU	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN CUONG	BK8	08	1	13	20	68	XAYLAP	Vietnamese
2	LE HAI SON	TD2	17	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
3	GILEKHANOV RUSLAN	TD2	21	1	10		78	KHOAN	Russian
4	NGUYEN HUU LONG	TD2	32-33	2	11		58	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN TRONG ANH	TD2	11	1	11		75	KHOAN	Vietnamese
6	LE VAN XUAN	TD2	22	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
7	CAO DUC VIEN	TD2	12	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
8	HO VAN HUNG	TD2	14	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN VAN TU	TD2	08	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN QUANG	TD2	26	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN MINH	TD2	10	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
12	LE XUAN PHUONG	TD2	16	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TAI THUYET	TD2	13	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
14	HO CHI CONG	TD2	24	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
15	Dinh Ngoc Giang	TD2	23	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN ANH DUC	TD2	09	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
17	LE TRUONG LAM	TD2	18	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
18	ROZGON	TD2	19	1	6	13	95	D-HANH	Russian
19	STARZINSKY	TD2	20	1	5	70	93	D-HANH	Russian
20	NG. HOANG KHA	TD2	15	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH TAM	TD2	27	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	1	1	13	68	20	0		
2	P1	0	0	0	0	0	2		
3	TD2	20	21	131	1.446	83	19		
TOTAL		21	22	144	1.514	103	21		
WEIGHT KG				144	1.514	103			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2018	TO: BK3 - P9 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HÙNG - HỒI - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VIỆT HÙNG	BK3	67	1	5	25	70	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN SƠN	P9	77	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN NAM TRUNG	P9	76,50	2	17		85	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	PPD	02	1	2	70	65	KHI	Vietnamese
5	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	08	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	07	1	4		70	KHI	Vietnamese
7	VÕ QUANG ĐẠT	PPD	04	1	4		60	KHI	Vietnamese
8	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	11	1	7		75	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	09-10	2	11		61	KHI	Vietnamese
10	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	13	1	3		63	KHI	Vietnamese
11	HÀ THỊ BAO	PPD	03	1	5		74	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VỊNH	PPD	05-06	2	12		77	KHI	Vietnamese
13	HOÀNG THAI TÀI	PPD	17	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN ĐẠT	PPD	15-16	2	8		61	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ TỰ KHA	PPD	14	1	8		83	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ NGỌC QUANG	PPD	12	1	3		78	DNV-GL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	1	1	5	70	25	14		CHUYỂN 6 PAX TỪ BK3 SANG P9
2	P9	2	3	27	159	0	1		
3	PPD	13	16	82	902	70	20		
TOTAL		16	20	114	1.131	95	22		
WEIGHT KG				114	1.131	95			

GRAND TOAL: 1.340 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2018	TO: RP3 - PVD6 - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - HIẾU	ETA: 11:20
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3	01-02	2	15	40	86	KHI	Vietnamese
2	LÊ HOÀNG ANH	RP3	03	1	7		67	KHI	Vietnamese
3	BUI VĂN PHÚ	RP3	08	1	3	30	72	KHI	Vietnamese
4	KRYLOV D.V	RP3	19	1	10		100	KHI	Russian
5	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	07	1	4		78	KHI	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC HUNG	RP3	21	1	8		75	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	09-10	2	9		80	KHI	Vietnamese
8	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	04-05	2	7		76	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HAI SANG	RP3	14	1	2		58	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN BÌNH	RP3	06	1	3		64	KHI	Vietnamese
11	TẠ PHI KHÁNH	RP3					72	KHI	Vietnamese
12	VÔ TÂN CHÂU	RP3	13	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO DUY ĐIỆP	RP3	15	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
14	VU MẠNH ĐIỆP	RP3	24-25	2	16		68	CODIEN	Vietnamese
15	NGO KIM LAM	RP3	20	1	12		73	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN DANH TRUNG	RP3	22-23	2	10		66	CODIEN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN HỮU	RP3	16	1	17		64	CODIEN	Vietnamese
18	LÊ NGỌC HIỆP	RP3	11-12	2	10		80	CODIEN	Vietnamese
19	VU THANH ĐẠT	RP3	17-18	2	10		73	CODIEN	Vietnamese
20	VŨ NGỌC CẢNH	P7	22	1	12	70	75	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	P7	21	1	10		85	CODIEN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN CUONG	P7	19-20	2	13		83	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	19	25	159	1.402	70	18		CHUYỂN 1 PAX TỪ PVD6 SANG P7
2	PVD6	0	0	0	0	15	0		
3	P7	3	4	35	243	70	4		
TOTAL		22	29	194	1.645	155	22		
WEIGHT KG				194	1.645	155			

GRAND TOAL: 1.998 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2018	TO: BK16 - P4 - PVD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - Hoi - MUÂN	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU BA THUAN	BK16	16	1	10	15	67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN AN NINH	BK16	17	1	14		77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN GIA CUONG	BK16	28,36	2	9	32	64	KH-THAC	Vietnamese
4	DO VAN HIEU	BK16	18	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	THUONG QUANG TRUNG	P4	28	1	5	70	85	XAYLAP	Vietnamese
6	LE ANH TUAN	P4	35-36	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN CONG QUYNH	P4	32-33	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN MINH TUAN	P4	30-31	2	13		66	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN NGOC QUYET	P4	29	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN DINH PHONG	P4	34	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TINH	P4	43	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TRUNG	P4	26	1	4		68	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN DUC HANH	P4					70	KHI	Vietnamese
14	BUI THANH AN	P4	40	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	DO DUC LONG	P4	41	1	2		55	KHI	Vietnamese
16	HOANG VAN HUNG	P4	27	1	4		70	KHI	Vietnamese
17	PHAM HUU THO	P4	39	1	5		65	KHI	Vietnamese
18	HOANG TRONG TAN	P4	25	1	5		65	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG KIEM	P4	38	1	4		79	KHI	Vietnamese
20	TRAN VAN THAI	P4	42	1	5		62	KHI	Vietnamese
21	TRAN DUY KHUONG	P4	37	1	5		80	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN HUU HA	PVD2	93	1	13		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	4	5	43	283	47	0		
2	P4	17	19	123	1.176	70	15		
3	PVD2	1	1	13	70	0	7		
TOTAL		22	25	179	1.529	117	22		
WEIGHT KG				179	1.529	117			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/11/2018	TO: P4 - P11 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - HIẾU	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ANH	P4	54	1	5		65	KHI	Vietnamese
2	NGO XUAN VUONG	P4	49	1	6		56	KHI	Vietnamese
3	TRAN HAU THO	P4	63	1	7		60	KHI	Vietnamese
4	VÔ HỒNG QUAN	P4	55-56	2	14		84	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THÔNG	P4	59	1	10		62	KHI	Vietnamese
6	LA XUAN THANG	P4	48	1	5		58	KHI	Vietnamese
7	PHẠM VĂN THIẾT	P4	62	1	10		65	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG ĐÔNG	P4	58	1	6		65	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	P4	52	1	10		70	KHI	Vietnamese
10	LÊ HUY DUÂN	P4	50-51	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG VAN NAM	P4	57	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM MINH TRUNG	P4	53	1	8		84	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN ĐOÀN	P4	61	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẠO VĂN KHÔI	P4	60	1	14		53	XAYLAP	Vietnamese
15	VÔ ĐÌNH HÀ	P11	50	1	10		56	TRƯỜNG V	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN MẠT TÊN	P11	46	1	10		68	TRƯỜNG V	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NUÔI	P11	44	1	5		50	TRƯỜNG V	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN QUÂN	P11	47-48	2	8		65	TRƯỜNG V	Vietnamese
19	VU VAN DIEN	P11	49	1	5		62	TRƯỜNG V	Vietnamese
20	VÔ VĂN GIANG	P11	45	1	5		60	TRƯỜNG V	Vietnamese
21	ĐO VĂN THANH	P11					50	TRƯỜNG V	Vietnamese

FLIGHT PLAN

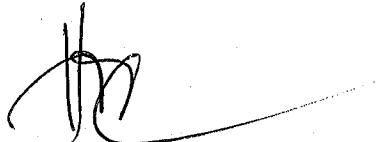
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	14	16	132	930	0	9		
2	P11	7	7	43	411	0	0		
3	PPD	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		21	23	175	1.341	0	22		
WEIGHT KG				175	1.341	0			

GRAND TOAL: 1.516 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/11/2018	TO: RCDM - RP2 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hồi - MMinh - MQUÂN	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAMBUROV E.N.	RCDM	51	1	10		95	KH-THAC	Russian
2	KUSHCHENKO N.V.	RCDM	52-53	2	10	20	75	KH-THAC	Russian
3	TRẦN VĂN CHUNG	RP2	88	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN LINH	RP2	86	1	13		74	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG HUY	RP2	87	1	11		58	XAYLAP	Vietnamese
6	VÕ XUÂN TUẤN	PPD	31	1	12		81	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH ĐIỆP	PPD	38	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH CÔNG	PPD	37	1	10	150	70	CODIEN	Vietnamese
9	LÊ HỒNG PHONG	PPD	33	1	6	10	84	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	34	1	5		58	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	35	1	3		53	KHI	Vietnamese
12	BUI NGỌC HUƠNG	PPD	36	1	5		65	KHI	Vietnamese
13	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	32	1	5		65	KHI	Vietnamese
14	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	48	1	4		63	KHI	Vietnamese
15	LÊ TIẾN DŨNG	PPD	46	1	10		82	KHI	Vietnamese
16	LÊ BIÊN THUY	PPD	47	1	12		67	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG HUY	PPD	39	1	5		63	LILAMA18	Vietnamese
18	VÕ QUANG HẬU	PPD	45	1	8		56	LILAMA18	Vietnamese
19	HOANG VĂN HUY	PPD	44	1	5		83	LILAMA18	Vietnamese
20	LÊ CÔNG BÌNH	PPD	40	1	3		53	LILAMA18	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	PPD	41	1	4		53	LILAMA18	Vietnamese
22	LÊ TẤN TÝ	PPD	42-43	2	15		63	LILAMA18	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	2	3	20	170	20	0		
2	RP2	3	3	41	197	0	0		
3	PPD	17	18	117	1.134	160	20		
TOTAL		22	24	178	1.501	180	20		
WEIGHT KG				178	1.501	180			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		GTCL+RP3+CLO	7:25	1+7+14	0+0+0		0+0+21	0+0+0	
2		TD1+P9+BK3	7:25	19+0+0	0+0+0		16+0+4	0+0+0	CHUYỂN 6 PAX TỪ P9-BK3
3		VSP02+TD3+TD1	9:25	5+17+0	0+0+0		2+17+2	0+0+0	
4		TD5+P6+TTC3	9:25	19+3+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/11/2018	TO: GTC1 - RP3 - CLO	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TUYỀN - HỒI - PTUẤN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY HẢO	GTC1	86	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM HUY ĐÌNH	RP3	31-32	2	12	33	58	T-TIN	Vietnamese
3	TRƯỜNG QUANG TUU	RP3	30	1	7		67	T-TIN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP3	39-40	2	10	40	65	BA SON	Vietnamese
5	LÊ VĂN CÔNG	RP3	42	1	10		57	BA SON	Vietnamese
6	TRUONG VAN ĐÔNG	RP3	43	1	8		58	BA SON	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN BỌ	RP3	41	1	8		53	BA SON	Vietnamese
8	WINAI PHROMTHAP	CLO	57-58	2	17		67	NHA THAU	Thailand
9	HOANG VAN TRUNG	CLO	59	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY NAM	CLO	50	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	53	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẠU VĂN MINH	CLO	51	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	55	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	52	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN QUANG HUY	CLO	56	1	7	40	75	KHOAN	Vietnamese
16	ĐO THANH LIÊM	CLO	61	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
17	CAO VĂN VIỆT	CLO	49	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN THẾ DUNG	CLO	62	1	10		57	KHOAN	Vietnamese
19	DƯƠNG MINH VIỆT	CLO	60	1	8		60	DVL	Vietnamese
20	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	54	1	10		56	DVL	Vietnamese
21	ĐẶNG THỊ THANH	CLO					65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

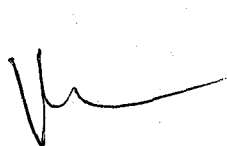
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	1	1	7	65	0	0		
2	RP3	6	8	55	358	73	0		
3	CLO	14	14	99	957	40	21		
TOTAL		21	23	161	1.380	113	21		
WEIGHT KG				161	1.380	113			

GRAND TOAL: 1.654 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/11/2018	TO: TD1 - P9 - BK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KROKHALEV MIKHAIL	TD1	47	1	5		93	KHOAN	Russian
2	KHAERDINOV VITALY	TD1	41	1	7		75	KHOAN	Russian
3	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	45	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH THUY	TD1					65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DŨNG*KT	TD1	42	1	7	20	70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH LUAN	TD1	40	1	4	50	75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN NHƯ BANG	TD1	46	1	9		57	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	44	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	43	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ MẠNH HẢI	TD1	75	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH CAO TRONG	TD1	38	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN QUANG HUNG	TD1	48	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ MINH TRINH	TD1	49	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
14	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD1	51-52	2	8		85	KHOAN	Vietnamese
15	BUI VĂN THOM	TD1	39	1	7		50	KHOAN	Vietnamese
16	LƯU HOÀNG	TD1	53	1	12		57	NHA THAU	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN PHỤC	TD1	50	1	5		68	NHA THAU	Vietnamese
18	LÊ TRUNG SƠN	TD1					80	D-HANH	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH SƠN	TD1	55	1	7		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	18	111	1.348	70	16		CHUYỂN 5 PAX TỪ P9 SANG BK3
2	P9	0	0	0	0	10	14	5	
3	BK3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		19	18	111	1.348	80	20		
WEIGHT KG				111	1.348	80			

GRAND TOAL: 1.539 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/11/2018	TO: VSP02 - TD3 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TUYỀN - HỒI - PTUÂN	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG TU	VSP02	72-73	2	6	20	68	DUY LINH	Vietnamese
2	HUYNH VAN THUONG	VSP02	78-80	3	15		60	DUY LINH	Vietnamese
3	ĐANG TRỌNG DUONG	VSP02	71	1	15		62	DUY LINH	Vietnamese
4	TRAN TRI LAM	VSP02	74-75	2	15		66	DUY LINH	Vietnamese
5	TRAN VAN VO	VSP02	76-77	2	20		62	DUY LINH	Vietnamese
6	GOLOVIN G.V	TD3	12	1	8		108	KHOAN	Russian
7	SOROKA ANATOLY	TD3	14	1	12		117	KHOAN	Russian
8	LUU QUYET THANG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN NGOC TUAN	TD3	01	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
10	VU TRONG NGHIA	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH DUY SON	TD3	02	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
12	ĐAO LE XUAN SON	TD3	08	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN HUONG	TD3	04	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG NAM	TD3	05	1	4	75	72	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG THANH TU	TD3	0				70	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN TRI	TD3	09	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUU LUAN	TD3	10	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN ĐUC VIET	TD3	07	1	10		56	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DUY KHIEM	TD3	06	1	10		72	D-HANH	Vietnamese
20	SALAKHOV	TD3	11	1	10		100	ANTOAN	Russian
21	VU XUAN	TD3	13	1	5		94	ANTOAN	Vietnamese
22	TA MINH UY	TD3	03	1	7		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	5	10	71	318	20	2		
2	TD3	17	14	108	1.330	75	17		
3	TD1	0	0	0	0	5	3		
TOTAL		22	24	179	1.648	100	22		
WEIGHT KG				179	1.648	100			

GRAND TOAL: 1.927 KGS

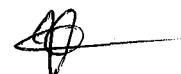
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/11/2018	TO: TD5 - P6 - TTC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - Toan	ETA: 11:35
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKHIN A.G	TD5	08	1	10		101	KHOAN	Russian
2	ĐẠO QUANG MINH	TD5	92	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ NGUYỄN KHANG	TD5	11	1	4		83	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	98	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
5	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	15	1	10	18	78	KHOAN	Vietnamese
6	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	09	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN HÒN	TD5	89	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TÚ	TD5	10	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	12	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	13	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN MINH CÔNG	TD5	94	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CAO KHÁNH	TD5	14	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN CAO DANH	TD5	95	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	91	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ HUY TIẾN HAI	TD5	90	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
16	ĐINH CHÍ CÔNG	TD5	06	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH TIẾN	TD5	07	1	8		93	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	93	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN LỆ	P6	40	1	5		60	BA SON	Vietnamese
20	NGUYỄN THỌ TỬ	P6	38-39	2	14		63	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	18	18	118	1.330	18	18		
2	P6	2	3	19	123	0	0		
3	TTC3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	21	137	1.453	18	22		
WEIGHT KG				137	1.453	18			

GRAND TOAL: 1.608 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+BK3+BK6	7:25	22+0+0	0+0+0		17+0+0	0+0+0	CHUYỂN 4 PAX TỪ BK3-BK6
2		PVD1+TD2+PVD2	7:25	12+10+0	0+0+0		0+12+8	0+0+0	
3		P7+TD2+RC6+RP2	9:25	7+9+0+6	0+0+0+0		0+10+0+6	0+0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ TD2-RC6

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2018	TO: P7 - BK3 - BK6	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - NNam	ETA: 09:10
<i>Part - 1</i>			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	RUBAYLO D.V	P7	74	1	7		100	KHOAN	Russian
2	SHCHERBAKOV M.IU	P7	58-59	2	7		92	KHOAN	Russian
3	CHEPKO V.V	P7	63	1	7		83	KHOAN	Russian
4	ZHARKOV A.V	P7	60	1	7		125	KHOAN	Russian
5	FOK S.I	P7	55	1	10		128	KHOAN	Russian
6	DƯƠNG THANH TUNG	P7	56	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ TRƯỜNG NAM	P7	72-73	2	12		58	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN BA LƯỢNG	P7				17	66	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGỌC LAM	P7	69-70	2	15		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CHÂN	P7	66	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THIẾT	P7	62	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY HÙNG	P7	61	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN SĨ LONG	P7	54	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ VĂN QUY	P7	76	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN TUẤN LONG	P7	83	1	13		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG THUY	P7	68	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
17	ĐO VĂN PHAN	P7	75	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN XUAN	P7	65	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGHIÊM ĐÌNH TUẤN	P7	57	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN HẬU	P7	64	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN MINH HIẾU	P7	53	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
22	IVANOV	P7	71	1	5		85	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	24	141	1.660	17	18		chuyen 04 pax tu BK3 sang BK6
2	BK3	0	0	0	0	0	0		
3	BK6	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	24	141	1.660	17	18		
WEIGHT KG				141	1.660	17			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/11/2018	TO: PVD1 - TD2 - PVD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE NGOC HUNG	PVD1	97	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
2	COLIN SINCLAIR SMITH	PVD1	87-88	2	18		100	KHOAN	British
3	CHRISTOPHER JOHN INGLE	PVD1	89-90	2	20		97	KHOAN	New Zealand
4	NGUYEN CAO PHUNG	PVD1	600	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN QUOC HUY	PVD1	86	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN QUANG	PVD1	85	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN SON	PVD1	83	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HONG QUANG	PVD1	91	1	11		67	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VIET PHUONG	PVD1	300	1	7		87	KHOAN	Vietnamese
10	KHUC THAI HOA	PVD1	98-99	2	13		60	KHOAN	Vietnamese
11	LE ANH SON	PVD1	84	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG ANH	TD2	55	1	8		67	AN TOAN	Vietnamese
13	POROMARENKO	TD2	46	1	4		105	KHOAN	Vietnamese
14	GROMOV S.A	TD2	49	1	9	110	82	KHOAN	Russian
15	TRUONG THANH TUNG	TD2	47	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN ANH TUAN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
17	LE ANH QUAN	TD2	51	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN THANH BINH	TD2	50	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TUNG	TD2	52	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM DINH THUYET	TD2	53	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM VAN THANG	TD2	54	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
22	VU MINH HAI	TD2	48	1	2		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	11	14	118	842	0	0		
2	TD2	11	10	43	828	110	14		
3	PVD2	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	24	161	1.670	110	22		
WEIGHT KG				161	1.670	110			

GRAND TOAL: 1.941 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/11/2018	TO: P7 - TD2 - RC6 - RP2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - NNam	ETA: 11:20
vang-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	P7	30	1	8		74	DVL	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TUYẾT	P7	28	1	10		70	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐUNG	P7	33	1	10		53	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH THAO	P7	32	1	13		65	DVL	Vietnamese
5	ĐOÀN MINH HUƠNG	P7	31	1	10		60	DVL	Vietnamese
6	PHẠM VĂN SANG	P7	29	1	10		67	DVL	Vietnamese
7	PHẠM XUAN HAI	P7	27	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG KHÁC	TD2	70	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOÀN VĂN KHUU	TD2	65	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG HUẾ	TD2	72	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN TRỌNG TIEN	TD2	71	1	13		82	KHOAN	Vietnamese
12	MAI ĐẠI HAI	TD2	67	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN DU	TD2	62	1	4		59	DVL	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC THÈ	TD2	68	1	7	15	60	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC KHANH	TD2	66	1	5		58	GETRACO	Vietnamese
16	TÔ DINH TỰ	TD2	73-74	2	12		66	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH HOÀN	RP2	11	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH LY	RP2	04	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG	RP2	09-10	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ HOANG SƠN	RP2	07-08	2	14		75	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN ĐỨC NGUYỄN	RP2	05-06	2	13		57	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN XUAN KHOA	RP2	02-03	2	8		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	7	7	66	459	0	6		CHUYEN 1 PAX TD2 SANG RC6
2	TD2	9	10	77	588	15	9+1		
3	RC6	0	0	0	0	0	0		
4	RP2	6	10	72	406	0	6		
TOTAL		22	27	215	1.453	15	21		
WEIGHT KG				215	1.453	15			

GRAND TOAL: 1.683 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

